

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2023/DS-ST
Ngày 22 tháng 9 năm 2023
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Ông Nguyễn Công Tân

2, Ông Nguyễn Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Thùy Trang- Thư ký Tòa án.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung- Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 181/2023/TLST-DS ngày 05/7/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2023/QĐXXST-DS ngày 10/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2023/QĐST-DS ngày 10/9/2023 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hoài N, sinh năm 1967. Địa chỉ: Tổ dân phố QT, thị trấn Th, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Trần Thu Q, sinh năm 1974 và chị Nguyễn Thị Hải Q, sinh năm 1977. Cùng địa chỉ: Tổ dân phố QT, thị trấn Th, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. (Anh Q vắng mặt, chị Q có mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974. Cư trú: Tổ dân phố QT, thị trấn Th, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì nguyên đơn là ông Nguyễn Hoài N trình bày: Giữa ông với vợ chồng anh Trần Thu Q và chị Nguyễn Thị Hải Q có quan hệ họ hàng xa. Ngày 25/02/2020, vợ chồng anh Trần Thu Q và chị Nguyễn Thị Hải Q có vay của ông số tiền 150.000.000 đồng. Mục đích vay để đáo hạn ngân hàng nhưng thực tế sử dụng vào việc gì thì ông không nắm được. Thời hạn vay một tháng kể từ ngày vay. Việc vay tiền có lập thành văn bản là Giấy biên nhận vay tiền. Các bên có thỏa thuận tiền lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng nhưng không viết vào trong giấy biên nhận vay tiền. Hết hạn vay nhưng Anh Q và chị Q không thanh toán cho ông khoản tiền gốc và lãi. Cuối năm 2021, ông có khởi kiện Anh Q và chị Q ra Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, Anh Q và chị Q hứa sẽ thanh toán tiền cho ông nên ông đã rút đơn khởi kiện. Anh Q và chị Q có trả cho ông làm nhiều lần được tổng số tiền 29.500.000 đồng. Ông đã nhiều lần yêu cầu chị Q và Anh Q trả tiền nhưng vợ chồng không trả. Nay ông yêu cầu Anh Q chị Q trả vợ chồng ông số tiền gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 25/02/2020 đến khi xét xử sơ thẩm là 03 năm 06 tháng với số tiền lãi là 52.500.000 đồng, trừ đi số tiền lãi đã trả là 29.500.000 đồng, Anh Q và chị Q còn phải trả số tiền lãi là 23.000.000 đồng. Tổng số tiền Anh Q chị Q phải trả là 173.000.000 đồng.

* Bị đơn là chị Nguyễn Thị Hải Q trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Chị là vợ anh Trần Thu Q. Ngày 25/02/2020, vợ chồng chị có ký nhận vào giấy biên nhận vay tiền vay của ông Nguyễn Hoài N vay số tiền 150.000.000 đồng, thực tế đây là tổng số tiền cả tiền gốc và tiền lãi mà vợ chồng chị nợ của ông Nam trước đó. Cả chị và Anh Q đều ký nhận vào Giấy biên nhận vay tiền, chữ viết của giấy biên nhận vay tiền là do Anh Q viết. Các bên thỏa thuận tiền lãi nhưng không thỏa thuận mức lãi suất cụ thể. Sau khi vay tiền của ông Nam, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên vợ chồng chị không thanh toán được tiền lãi cho ông Nam bà Lương. Ông Nam có nói là không yêu cầu vợ chồng chị trả lãi nữa. Sau đó vợ chồng chị có nhiều lần trả tiền cho ông Nam được tổng số tiền 29.500.000 đồng. Nay ông Nam bà Lương yêu cầu vợ chồng chị trả tổng số tiền cả gốc và lãi là 173.000.000 đồng thì chị đồng ý.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Hoài N. Bà hoàn toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Nam, yêu cầu vợ chồng anh Trần Thu Q và chị Nguyễn Thị Hải Q trả tổng số tiền cả gốc và lãi là 173.000.000 đồng. Bà không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

+ Buộc chị Nguyễn Thị Hải Q và anh Trần Thu Q trả ông Nguyễn Hoài N và bà Nguyễn Thị L tổng số tiền cả gốc và lãi là 173.000.000 đồng.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Hải Q và anh Trần Thu Q phải chịu án phí DSST theo quy định. Hoàn trả ông Nguyễn Hoài N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Bị đơn là anh Trần Thu Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với Anh Q.

[2]- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Hoài N yêu cầu chị Nguyễn Thị Hải Q và anh Trần Thu Q trả số tiền vay cả tiền gốc và tiền lãi là 173.000.000 đồng thì thấy: Các bên có giao kết bằng văn bản, ghi rõ số lượng tiền vay nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản (theo điều 463 của Bộ luật dân sự). Quan hệ giữa các bên là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên đã không tự giải quyết được khi có tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự, xác định đây là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Bị đơn cư trú ở địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Ông Nguyễn Hoài N yêu cầu anh Trần Thu Q và chị Nguyễn Thị Hải Q trả số tiền cả gốc 150.000.000 đồng thì thấy: Theo lời trình bày của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ thì xác định có việc Anh Q chị Q vay của ông Namsố tiền gốc 150.000.000 đồng vào ngày 25/02/2020. Nhiều lần ông Nam yêu cầu Anh

Q chị Q trả nợ nhưng Anh Q chị Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Chị Q trình bày là đã trả cho ông Nam được số tiền 29.500.000 đồng và chị xác định đây là tiền gốc. Ông Nam không đồng ý với chị Q về việc xác định số tiền 29.500.000 đồng đã trả cho ông là tiền gốc, vì từ khi vay đến nay chị Q trả cho ông làm nhiều lần được tổng số tiền 29.500.000 đồng, ông xác định đây là tiền lãi. Theo ông Nam và chị Q thì xác định khoản vay này là khoản vay có lãi nhưng các bên không xác định mức lãi suất cụ thể. Ông Nam yêu cầu Anh Q chị Q trả số tiền gốc 150.000.000 đồng, chị Q đồng ý trả theo yêu cầu của ông Nam bà Lương. Do vậy cần buộc Anh Q chị Q trả cho ông Nam bà Lương số tiền gốc 150.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

[3.2] Ông Nguyễn Hoài N yêu cầu anh Trần Thu Q và chị Nguyễn Thị Hải Q trả số tiền lãi 23.000.000 đồng thì thấy: Theo nhận định ở trên thì xác định khoản vay này là khoản vay có lãi, nhưng các bên không thống nhất được mức lãi suất cụ thể, ông Nam yêu cầu Anh Q chị Q trả tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng), thời gian tính lãi từ được tính từ ngày vay 25/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 03 năm 06 tháng với tổng số tiền là 52.500.000 đồng, trừ đi số tiền lãi đã trả 29.500.000 đồng, số tiền lãi Anh Q chị Q còn phải trả là 23.000.000 đồng. Chị Q đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của ông Nam. Do vậy, xác định ông Nam bà Lương yêu cầu Anh Q chị Q trả số tiền lãi 23.000.000 đồng là có căn cứ và được chấp nhận theo quy định tại Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[4]- Về án phí: Anh Q chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật do yêu cầu khởi kiện của ông Nam được chấp nhận. Hoàn trả ông Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Buộc anh Trần Thu Q và chị Nguyễn Thị Hải Q phải trả cho ông Nguyễn Hoài N và bà Nguyễn Thị L tổng số tiền là 173.000.000 đồng.

2. Về án phí: Anh Trần Thu Q và chị Nguyễn Thị Hải Q phải chịu 8.650.000 đồng án phí DSST.

Hoàn trả ông Nguyễn Hoài N số tiền tạm ứng án phí 4.775.000 đồng theo biên lai thu số 0002834 ngày 05/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong đối với các khoản tiền mà bên có nghĩa vụ phải thanh toán cho bên được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Phạm Thị Chuyên**

Đã ký